BỘ Y TẾ **CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 564 /QĐ-ATTP	*Hà Nội, ngày 14 tháng 09 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Căn cứ hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm quản lý nhà nước của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Yên Bái;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm kiểm soát bệnh tật Yên Bái, địa chỉ: Số 496, đường Hòa Bình, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, thực hiện kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **17/2020/BYT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm kiểm soát bệnh tật Yên Bái có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM
BỘ Y TẾ

Lê Văn Giang

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số……/QĐ-ATTP ngày …..... tháng…... năm 2020 của Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn định lượng (nếu có) /phạm vi đo
I.	**Lĩnh vực hóa học**			
1	Xác định hàm lượng Vitamin B1 trong Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	SOP-C-57:2020	10 mg/kg
2	Xác định hàm lượng Vitamin A trong Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Phương pháp sắc ký lỏng hiệu nâng cao		SOP-C-58: 2020	40 mg/kg
3	Xác định hàm lượng Nitrat Phương pháp quang phổ UV-Vis	Nước uống đóng chai	SMEWW 4500 – NO3.B:2017	0,04 mg/L
4	Xác định hàm lượng Nitrit Phương pháp trắc phổ hấp phụ phân tử		TCVN 6178 : 1996	0,01 mg/L
5	Xác định hàm lượng Florua		SMEWW 4500-F:D:2017	0,1 mg F/L
6	Xác định hàm lượng Clo tự do Phương pháp đo màu sử dụng N,N-dietyl-1,4-phenylenediamine		TCVN 6225-2:2012	0,01 mg/L
7	Xác định hàm lượng Đồng Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử lò graphite		SMEWW 3113 B:2017	1 µg/L
8	Xác định hàm lượng Chì Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử lò graphite		SMEWW 3113 B:2017	2 µg/L
9	Xác định hàm lượng Asen Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử graphite		SMEWW 3113 B:2017	2,5 µg/L

10	Xác định hàm lượng Mangan Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử graphite		SMEWW 3113 B:2017	1,3 µg/L
11	Xác định hàm lượng Cadimi Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử graphite		SMEWW 3113 B:2017	0,25 µg/L
12	Xác định hàm lượng Crom Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử graphite		SMEWW 3113 B:2017	3 µg/L
13	Xác định hàm lượng Antimon (Sb) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử graphite		SMEWW 3113 B:2017	2,5 µg/L
II	**Lĩnh vực vi sinh**			
14	Định lượng vi khuẩn Coliform Phương pháp lọc màng	Nước uống đóng chai	TCVN 6187-1:2019	1 CFU/ 100 mL
15	Định lượng *Escherichia coli* Phương pháp lọc màng		TCVN 6187-1:2019	1 CFU/ 100 mL
16	Định lượng sô bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia) Phương pháp màng lọc		TCVN 6191-2: 1996	10 CFU/ 250 mL
17	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa* Phương pháp màng lọc		TCVN 8881:2011	10 CFU/ 250 mL